

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-PT

Ngày 24 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo.

Các Thẩm phán:

Ông Tô Văn Thịnh

Ông Nguyễn Đức Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Trịnh Đình T1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Đình T1, sinh năm 1987 tại huyện X, tỉnh T. Nơi cư trú thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình T và bà Lê Thị V; có vợ Vũ Thị T và 01 con; Không có tiền án, tiền sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/6/2018 chuyển tạm giam ngày 12/6/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị hại: Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Xóm .., xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình không có kháng cáo, không bị kháng cáo không bị kháng nghị Tòa án triệu tập (Vắng mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 5 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Đình T1 có mối quan hệ làm ăn từ trước với Nguyễn Văn C là người làm nghề kinh doanh vận tải cư trú tại xóm B, xã C, huyện P, tỉnh T. Khoảng đầu tháng 6 năm 2016 do không có việc làm nên T1 gọi điện cho C để C tìm hộ việc làm. Qua trao đổi điện thoại C rủ T1 đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và T1 cũng đồng ý. Việc thực hiện lừa đảo bằng cách C cung cấp số điện thoại của người môi giới vận chuyển hàng để T1 liên hệ xin chở hàng thuê, sau đó dùng ô tô lắp biển số giả để chở và chiếm đoạt hàng hóa. C và T1 thỏa thuận, T1 chỉ làm nhiệm vụ liên hệ điện thoại để nhận hàng còn việc bố trí xe chở hàng và bán hàng là do C chịu trách nhiệm, mỗi xe hàng lừa được C sẽ trả công cho T1 30.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận như trên, C cho T1 số điện thoại của Trần Văn P (là người cò xe) để liên hệ xin chở hàng. Sáng ngày 28/11/2016 thông qua P, T1 nhận được việc chở gạo từ huyện K, tỉnh Ninh Bình lên thành phố C, tỉnh L theo Hợp đồng mua bán 76 tấn gạo giữa bà Ngô Thị H1 cư trú tại xóm ..., xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình với bà Nguyễn Thị Bích V là Giám đốc Công ty TNHH địa chỉ tại phường P, thành phố C, tỉnh L. Theo hợp đồng bà H1 có trách nhiệm giao gạo cho bà V tại thành phố C, sau khi nhận đủ hàng thì bà V mới thanh toán tiền cho bà H1. T1 dùng điện thoại có số sim 01696425... nhắn tin biển số xe ô tô biển kiểm soát 88C - 059... mà T1 nói là xe của mình cho anh P. Anh P cũng đã báo biển xe ô tô và số điện thoại của T1 cho bà biết để phục vụ cho việc bốc và vận chuyển hàng. Sau khi liên lạc được với anh P về việc vận chuyển gạo cho bà H1, T1 báo lại cho C để C chuẩn bị xe ô tô đi vận chuyển hàng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, Hoàng Văn S1 là lái xe thuê của Vũ Thái H2 (H2 là anh đồng hao với C) điều khiển xe ô tô loại đầu kéo có đăng ký biển kiểm soát 20C - 071... và rơ moóc có biển kiểm soát 20R - 002... nhưng trước khi đi bốc hàng xe ô tô trên đã được gắn biển kiểm soát giả là 88C - 059... vào đầu kéo và biển kiểm soát 88R - 002... vào rơmoóc, trên xe ô tô có ba người gồm: Trịnh Đình T1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S2 (S2 là phụ xe cho C) đi đến kho gạo của bà Vũ Thị T2 tại xóm ..., xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (do bà T2 có hợp đồng làm kho bán gạo cho bà H1) để bốc 38 tấn gạo nếp Hà Nội. Trước đó bà H1 đã báo trước về thời gian, biển kiểm soát xe và số điện thoại của Trịnh Đình T1 cho bà T2 biết. Khi thấy xe ô tô có biển kiểm soát như trên đến, bà T2 đã đồng ý cho họ bốc gạo lên xe. Tại kho gạo của bà T2, S2 là

người đứng kiểm hàng bốc lên xe, S1 nằm ngủ trên cabin còn T1 và C mượn xe mô tô của người bốc gạo thuê đi ra quán gần đó ngồi uống nước. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì bốc xong 38 tấn gạo nấp lên xe ô tô, sau đó T1 về nơi bốc hàng còn C ngồi đợi ở quán nước. Về đến kho gạo, T1 cầm chứng minh thư nhân dân của mình ký vào hợp đồng vận chuyển với bà H1, hợp đồng do bà H1 đã soạn sẵn đưa cho bà T2 giữ để ký với T1, trong hợp đồng ghi rõ địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân và số điện thoại của T1, nơi chở hàng đến là thành phố C, tỉnh L. Sau đó S1 điều khiển xe ô tô chở 38 tấn gạo trên đường đi C đón ở dọc đường để lên xe đi cùng. Khi xe ô tô đến đầu đường cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ thì C, T1, S2 xuống xe vào quán ăn cơm. Lúc này Vũ Thái H3 cũng đã đi xe tải của C từ thành phố T xuống đến nơi và đợi sẵn ở đó. Sau khi ăn cơm xong C, T1, S1 đi về tỉnh T bằng xe ô tô tải của C còn xe ô tô chở 38 tấn gạo do Vũ Thái H3 và Hoàng Văn S1 điều khiển về tới T, S1 xuống xe còn H3 điều khiển xe lên tỉnh B chứ không lên tỉnh L. H3 gửi 38 tấn gạo vào kho của một người đàn ông tên D ở phường S, thành phố B.

Sáng ngày 29/11/2016 C gặp T1 tại quán cà phê ở thành phố T, C đưa cho T1 số tiền 20.000.000 đồng là tiền công và hẹn khi nào bán được gạo sẽ đưa tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

Do đợi lâu không thấy thông tin về xe gạo và cũng không điện thoại được với Thuyết nên ngày 04/12/2016 bà Ngô Thị H1 đến Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình trình báo. Quá trình điều tra xác minh, ngày 06/12/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã phát hiện và thu giữ được vật chứng 37.650 kg gạo nấp tại kho chứa hàng ở phường S, thành phố B và đã tạm giữ phương tiện là xe ô tô đầu kéo đeo biển kiểm soát 20C - 071... và rơ moóc có biển kiểm soát 20R - 002..., tạm giữ 02 biển số tự chế ghi chữ, số lên hai mặt, một mặt 20R - 002..., một mặt là 88R - 002....; T1 tự giao nộp 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Đình T1.

Tại bản kết luận số 36 ngày 13/12/2016 và Bản kết luận số 32 ngày 27/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: 38 tấn gạo nấp có trị giá 418.000.000 đồng; xe ô tô biển kiểm soát 20C - 071.... có giá trị còn lại là 752.000.000 đồng và sơ mi rơ moóc có biển kiểm soát 20R - 002... có giá trị còn lại là 256.000.000 đồng.

Sau khi phạm tội Trịnh Đình T1 bỏ trốn vào miền Nam bị Phòng cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh Ninh Bình bắt theo Lệnh truy nã tại phường N, thành phố Đ vào ngày 09/6/2018.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HS - ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên

bổ bị cáo Trịnh Đình T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trịnh Đình T1 8 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 09/6/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 bị cáo Trịnh Đình T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Đình T1 thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do biết được việc làm của C nhưng bị cáo chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của C. Bị cáo không phải là người chủ mưu để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H1. Số tiền bị cáo được C trả công, bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T1 và sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS - ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: bị cáo Trịnh Đình T1 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 09/6/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo Trịnh Đình T1 đã nộp số tiền 20.200.000 đồng (*Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng*) thay cho bị cáo để thi hành xong số tiền thu lời bất chính bị cáo đã chiếm hưởng và tiền án phí hình sự sơ thẩm theo bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tại Biên lai thu tiền số AA/2013/0002323 ngày 23/4/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2013/0002307 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 28/01/2019 bị cáo Trịnh Đình T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T1 là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T1 thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, yêu cầu thay đổi kháng cáo của bị cáo được chấp nhận xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trịnh Đình T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại; phù hợp với các kết luận giám định số 36 ngày 13/12/2016 và Bản kết luận số 32 ngày 27/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, tại xóm..., xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trịnh Đình T1 cùng với Nguyễn Văn C đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là 38 tấn gạo nếp của bà Ngô Thị H1 có giá trị là 418.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo T1 đã bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Đình T1 Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã đứng ra ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa cho bà H1 để bà H1 tin là thật và giao tài sản cho bị cáo là 38 tấn gạo nếp trị giá 418.000.000 đồng. Bị cáo đã giúp sức tích cực cho đồng bọn để chiếm đoạt số tài sản trên của bà H1 với mục đích được trả công để lấy tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và phạt bị cáo với mức án 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 20.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già hay đau ốm không có người chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên

cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ chấp nhận cần sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2013/0002323 ngày 23/4/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2013/0002307 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cần ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của bị cáo và gia đình bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án kháng cáo của bị cáo T1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS - ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về hình phạt tù cho bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: bị cáo Trịnh Đình T1 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 09/6/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo Trịnh Đình T1 đã nộp số tiền 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) thay cho bị cáo để thi hành xong số tiền thu lời bất chính bị cáo đã chiếm hưởng và tiền án phí hình sự sơ thẩm theo bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tại Biên lai thu tiền số AA/2013/0002323 ngày 23/4/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2013/0002307 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Trịnh Đình T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/4/2019./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản);
 - TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản);
 - TAND huyện K (5 bản);
 - VKSND huyện K (1 bản);
 - CA huyện K (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện K (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Bị hại (1 bản);
 - Trại tạm giam (1 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa (1 bản);
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Thảo